

Số: 711 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 26 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2017**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 511/STNMT-KS ngày 10 tháng 4 tháng 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của 09 tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh năm 2017 (có danh sách kèm theo).

Điều 2.

1. Số tiền nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh rà soát, tính toán để truy thu khi có ý kiến của Chính phủ trong trường hợp phải thu.

2. Số tiền nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2018 và các năm tiếp theo thực hiện khi có hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ ngành liên quan.

3. Các tổ chức, cá nhân nêu tại Điều 1, Quyết định này phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định và theo thông báo của Cục thuế tỉnh Đắk Nông.

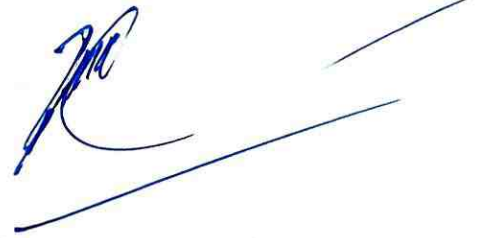
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Các tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH, NN(Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

**BẢNG TỔNG HỢP TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TỈNH NĂM 2017 (tính từ ngày 1.1.2017 đến 31.12.2017)**

(Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Số Giấy phép	Vị trí mỏ	Công suất khai thác		Công thức tính tiền cấp quyền khai thác: $T = Q \times G \times K1 \times K2 \times R$				Tổng số tiền	Ghi chú
				Nguyên khai	Nguyên khối (Q)	G (đồng)	K1	K2	R(%)		
1	Chi nhánh Tây nguyên Công ty 508	10/GP-UBND ngày 19/6/2009	Mỏ đá bazan Hố Kè, xã Đăk R'moan, thị xã Gia Nghĩa	103.450	86.932,8	151.000	0,9	0,9	0,04	425.309.899	
2	Công ty TNHH TM Chính Trường	21/GP-UBND ngày 04/6/2012	Mỏ đá bazan Bon Bu Đốp II, xã Nghĩa Thắng, huyện Đăk R'lấp		48.000	151.000	0,9	0,9	0,04	234.835.200	
3	Công ty Cổ phần khoáng sản XD-TM Fico Đăk Nông	06/GP-UBND ngày 26/2/2013	Mỏ đá bazan thôn 3, xã Kiến Thành huyện Đăk R'lấp		45.000	151.000	0,9	0,9	0,04	220.158.000	
4	Công ty TNHH SX-TM Tân Ngọc Phát	07/GP-UBND ngày 26/2/2013	Mỏ đá bazan Bosare, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'lấp		80.000	151.000	0,9	0,9	0,04	391.392.000	
5	Công ty TNHH Thạch Lợi	18/GP-UBND ngày 24/4/2012	Mỏ đá bazan thôn 3, xã Đức Mạnh, huyện Đăk Mĩl		100.000	151.000	0,9	0,9	0,04	489.240.000	

6	Công ty TNHH MTV Trùng Dương	01/GP-UBND ngày 09/01/2013	Mỏ đá bazan thôn 1, xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil		100.000	151.000	0,9	0,9	0,04	489.240.000
7	Công ty TNHH XD Nam Hải	20/GP-UBND ngày 22/11/2013	Mỏ đá bazan Buôn Nui, xã Eapô, huyện Cư Jút		100.000	151.000	0,9	0,9	0,04	489.240.000
8	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh	02/GP-UBND ngày 18/01/2013	Mỏ đá bazan Đắk Som, xã Đắk Som, huyện Đắk G'long		180.000	151.000	0,9	0,9	0,04	880.632.000
9	Công ty Cổ phần Đông Bắc	41/GP-UBND ngày 29/11/2012	Mỏ đá bazan Jók Du, xã Nam Nung, huyện Krông Nô		60.000	151.000	0,9	0,9	0,04	293.544.000
Tổng cộng										3.913.591.099